

Số: /ĐA-SNNMT

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

**ĐỀ ÁN**  
**TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2026**

**Phần thứ nhất**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết cực đoan mang tính dị thường, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến thiên tai trở nên dồn dập và khốc liệt; đầu vụ chịu ảnh hưởng của các đợt nắng nóng, giữa và cuối vụ chịu ảnh hưởng trực tiếp các cơn bão (bão số 3,5,6,10), mưa lụt, đông lốc liên tục; sản xuất trồng trọt trong vòng xoáy “thiên tai - khắc phục - tái thiết lại chịu thiên tai”, ... đã ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất, tình hình sinh trưởng, phát triển, sản lượng một số cây trồng và đã làm thiệt hại đến hàng nghìn diện tích các cây trồng như lúa, ngô, rau màu các loại, cây công nghiệp và cây ăn quả.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban ngành từ tỉnh đến địa phương và sự cố gắng nỗ lực của người dân và cộng đồng doanh nghiệp trong triển khai sản xuất, phòng chống thiên tai, ứng dụng khoa học công nghệ, phòng trừ sâu bệnh, khắc phục những khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

**II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất**

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- Trên địa bàn tỉnh xảy ra các đợt mưa lớn, lũ lụt trên diện rộng và chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão đổ bộ. UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện, công văn ứng phó và khắc phục thiệt hại do bão lụt, mưa lớn (các cơn bão số 3, 5, 6 và bão số 10); Thành lập các đoàn kiểm tra chỉ đạo sản xuất, ứng phó và khắc phục mưa bão; đã ban hành 04 công văn về các giải pháp để ứng phó sản xuất trồng trọt trước tình hình bão, mưa lụt và chỉ đạo khắc phục hậu quả sau bão, lũ, khôi phục sản xuất các cây trồng sau thiên tai; Tổng hợp báo cáo kịp thời những thiệt hại của các địa

phương, đơn vị để có giải pháp đề xuất hỗ trợ, khắc phục, giúp người dân sớm ổn định sản xuất và đời sống.

- Lãnh đạo Tỉnh, Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và xử lý các sự cố đề điều, thủy lợi để khắc phục tình hình thiệt hại sau mưa lớn, bão lụt.

- UBND các xã, phường đã kịp thời ban hành Đề án, kế hoạch sản xuất; Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách địa phương để khuyến khích, hỗ trợ nông dân sản xuất; thực hiện tốt cơ cấu giống, phòng trừ sâu bệnh hại và ứng dụng TBKT vào sản xuất. Mặt khác, mặc dù mới sát nhập cấp xã, không tổ chức cấp huyện nhưng chính quyền các địa phương đã làm tốt trong huy động mọi lực lượng với phương châm “4 tại chỗ”, “3 sẵn sàng” để chỉ đạo, khắc phục mưa lớn, bão lụt xảy ra liên tục trong các cơn bão.

## **2.2. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (chi tiết tại phụ lục 01)**

Tổng diện tích gieo trồng đạt 107.052,64 ha/KH 105.700 ha (đạt 101,28 % so với KH) và tổng diện tích cho thu hoạch là 93.442,91 ha/KH 105.700 ha (đạt 88,40 % so với KH). Trong đó, tổng sản lượng cây lương thực có hạt 312.466,14 tấn đạt 78,05 % so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Cây Lúa: Tổng diện tích 76.668,27 ha/KH 77.500 ha (đạt 98,93 %), diện tích cho thu hoạch là 66.424,79 ha (đạt 85,71 % KH). Sản lượng đạt 278.300,51 tấn/KH 367.300 tấn (đạt 75,77 %). Trong đó:

+ Vụ Hè thu: Diện tích 55.557,14 ha/KH 56.000 (đạt 99,21 %), diện tích cho thu hoạch 47.924,69 ha/KH 56.000 ha (đạt 85,58 % so với KH và đạt 84,29 % so với vụ Hè thu 2024); Năng suất 42,56 tạ/ha/KH 51,0 tạ/ha (đạt 83,45 KH và đạt 79,89 % so với vụ Hè thu 2024); Sản lượng 203.978,27 tấn/KH 285.600 tấn (đạt 71,42 % KH và đạt 67,34 % so với vụ Hè thu 2024).

+ Vụ Mùa: Diện tích 21.111,13 ha/KH 21.500 ha (đạt 98,19 %), diện tích cho thu hoạch 18.500,1 ha/KH 21.500 ha (đạt 86,05 %); Năng suất 40,17 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 105,72 %); Sản lượng 74.322,24 tấn/KH 81.700 tấn (đạt 90,97 %).

- Cây Ngô: Tổng diện tích gieo trồng 13.036,98 ha/KH 11.500 ha (đạt 113,37 %), diện tích cho thu hoạch là 10.091,34 ha/KH 11.500 ha (đạt 87,75%). Trong đó:

+ Ngô lấy hạt: Diện tích gieo trồng 11.244,21 ha/KH 8.700 ha (đạt 129,24 %), diện tích cho thu hoạch 8.544,57 ha/KH 8.700 ha (đạt 98,21 %); Năng suất 39,99 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 105,22 %); Sản lượng 34.165,63 tấn/KH 33.060 tấn (đạt 103,34 %).

+ Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò: Diện tích gieo trồng 1.792,77 ha/KH 2.800 ha (đạt 64,03 %), diện tích cho thu hoạch 1.546,77 ha/KH 2.800 ha (đạt

55,24 %); Năng suất 396,04 tạ/ha/KH 350 tạ/ha (đạt 113,15 %); Sản lượng 61.257,63 tấn/KH 98.000 tấn (đạt 62,51 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích gieo trồng 12.061,87 ha/KH 11.600 ha (đạt 103,98 %), diện tích thu hoạch 11.689,58 ha/KH 11.600 ha (đạt 100,77 %); Năng suất 149,22 tạ/ha/KH 148 tạ/ha (đạt 100,82 %); Sản lượng 174.432,43 tấn/KH 171.680 tấn (đạt 101,60 %).

- Cây Đậu đỗ các loại: Diện tích gieo trồng 1.832,34 ha/KH 1.900 ha (đạt 96,44 %), diện tích thu hoạch 1.827,32 ha/KH 1.900 ha (đạt 96,17 %); Năng suất 9,51 tạ/ha/KH 9,0 tạ/ha (đạt 105,63 %); Sản lượng 1.737,17 tấn/KH 1.710 tấn (đạt 101,59 %).

- Cây Lạc: Diện tích gieo trồng 571,16 ha/KH 600 ha (đạt 95,19 %), diện tích thu hoạch 545,76 ha/KH 600 ha (đạt 90,96 %); Năng suất 22,53 tạ/ha/KH 22,0 tạ/ha (đạt 102,39 %); Sản lượng 1.229,39 tấn/KH 1.320 tấn (đạt 93,14 %).

- Cây Vừng: Diện tích gieo trồng 2.882,02 ha/KH 2.600 ha (đạt 110,85 %), diện tích thu hoạch 2.864,12 ha/KH 2.600 ha (đạt 110,16 %); Năng suất 7,95 tạ/ha/KH 7,4 tạ/ha (đạt 107,43 %); Sản lượng 2.277,0 tấn/KH 1.924 tấn (đạt 118,35 %).

### **2.3. Thời vụ và cơ cấu giống**

#### **a) Thời vụ**

Vụ Hè thu gieo cấy từ 15/5 đến 20/6, vụ Mùa gieo cấy sau 21/6 đến 30/7. Vụ Hè thu 2025 tiến độ gieo cấy lúa muộn hơn so với lịch thời vụ ở các xã, phường nhất là Hè thu chạy lụt.

#### **b) Cơ cấu giống lúa**

- Diện tích lúa thuần 73.053,7 ha/KH 68.500 ha, đạt 106,65 % và chiếm 95,29 % diện tích lúa. Diện tích lúa lai 3.614,6 ha/KH 9.000 ha, đạt 40,16 % và chiếm 4,71 % diện tích lúa; Trong đó, các giống có diện tích lớn và năng suất cao là: VNR20; LTH 31, TBR225, Bắc Thịnh; Hà Phát 3, Thiên ưu 8;...

- Diện tích lúa chất lượng là 30.850,5 ha/KH 30.000 ha (đạt 102,83 %), gồm các giống LTH31, Bắc Thịnh, TBR225, Bắc thom 7, Hà phát 3, Hương thom 1, ...

### **2.4. Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu**

- Công tác bảo vệ thực vật: Vụ Hè thu - Mùa năm 2025 đã điều tra phát hiện 35.991,05 ha các cây trồng bị nhiễm sâu dịch hại các loại, trong đó: trên cây lúa 32.361,25 ha, ngô 395 ha, cây có múi 90 ha, cây mía 1.776,8 ha, cây sắn 1.483 ha, ... Chi cục Trồng trọt và BVTV đã tham mưu kịp thời các giải pháp và cùng với các địa phương tổ chức nông dân phòng trừ sâu bệnh được 25.207,1 ha (gồm: lúa 22.142,4 ha, ngô 370 ha, cam 90 ha, mía 2.089,7 ha, ...). Nhìn chung, trong vụ Hè

thu - Mùa năm 2025, công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại trên các đối tượng cây trồng đã được các địa phương thực hiện tốt, đặc biệt trên những diện tích có nhiệm vụ dịch hại cao cơ bản đã được phòng trừ kịp thời có hiệu quả.

- Về công tác thủy lợi, tưới tiêu nước: Ngành Nông nghiệp đã phối hợp với các địa phương và trực tiếp xuống địa bàn để chỉ đạo, thực hiện tốt công tác tưới tiêu nước. Đặc biệt là điều tiết, lắp đặt các trạm bơm giã chiến, xử lý các sự cố đê điều, thủy lợi kịp thời tiêu úng thoát nước trước, trong và sau các cơn bão gây mưa lớn, ngập lụt liên tục để khắc phục thiệt hại và khôi phục sản xuất.

## **2.5. Sử dụng phân bón**

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh sử dụng rất đa dạng về chủng loại và số lượng phân bón trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng phân bón vô cơ còn cao. Trong thời gian vừa qua, tỉnh đã ban hành đề án nông nghiệp hữu cơ nên việc sử dụng phân bón hữu cơ đã có xu hướng tăng lượng sử dụng phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ.

- Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng sử dụng phân bón thiếu cân đối, chưa đúng thời điểm là nguyên nhân chính gây dịch hại, lãng phí và tăng chi phí, sản phẩm nông sản không an toàn, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng, giá trị nông sản cũng như ảnh hưởng đến tính chất đất, nguồn nước.

## **2.6. Kết quả ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất**

- Diện tích các loại cây trồng được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP còn hiệu lực là 523,9 ha gồm các cây trồng như cây lúa, chè, rau các loại, cây ăn quả, cây dược liệu tại một số xã như: Minh Châu, Nhân Hòa, Quang Đông, Trung Lộc, Vinh Hưng, Con Công, Anh Sơn Đông, Đông Lộc, Phúc Lộc, Bình Minh, Nghi Lộc, Minh Hợp, Hưng Nguyên, Quỳnh Anh, Diễn Châu, ...

- Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ được chứng nhận còn hiệu lực là 81,3 ha cho cây trồng gồm: cam, chè, rau các loại, ổi, đu đủ, bưởi, dược liệu, tại các xã: Hạnh Lâm, Đông Hiếu, Diễn Châu, Hưng Nguyên, Thành Bình Thọ, Con Công, Nghĩa Lâm, Mường Lống, Huồi Tụ.

- Diện tích lúa cấy bằng máy là 3.756,04 ha tại các xã như Tân Châu, Tân Mai, Vạn An, Tam Đồng, Cát Ngạn, Nghĩa Đàn, Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Vân Tụ, Bình Minh, Vân Du, Đông Thành, .....

- Nghệ An là một trong những tỉnh thực hiện thí điểm sản xuất lúa giảm phát thải, tạo tín chỉ Cacbon từ 2023 đến nay. Trong vụ Hè thu - Mùa năm 2025 các địa phương đã triển khai áp dụng sản xuất lúa giảm phát thải là 18.921,04 ha. Các kết quả đã phân tích cho thấy áp dụng tưới ngập khô xen kẽ (AWD) đối với sản xuất lúa

tại Nghệ An giúp giảm số lần tưới nước, giảm lượng phát thải khí mê-tan (CH<sub>4</sub>) ở lúa cấy 55% và giảm 50% ở lúa gieo sạ so với canh tác tưới ngập liên tục.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là vụ Hè thu - Mùa 2025 là 22,99 ha, trồng các loại cây có giá trị cao như dưa chuột, dưa lưới, dưa vàng, ...

## **2.7. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất và cấp mã số vùng trồng**

a. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2025 hơn 12.500 ha. Kết quả này đã góp phần thúc đẩy sản xuất an toàn, ổn định đầu ra cho nông dân.

b. Cấp, quản lý mã số vùng trồng:

Đến nay, đã có 121 vùng trồng được cấp mã số theo tiêu chuẩn nội địa, với các loại cây trồng như: Dưa các loại, rau, cam, bưởi, ổi, nho, chè, mía, lúa, ngô, lạc, ... Đã tiến hành giám sát 88 vùng trồng được cấp mã số, trong đó hủy 30 mã số vùng trồng do không tuân thủ quy định và tổ chức không còn nhu cầu sử dụng.

## **2.8. Kết quả quản lý vật tư nông nghiệp**

Đã tổ chức 05 cuộc kiểm tra về vật tư nông nghiệp trong 06 tháng cuối năm 2025: Kết quả, đã kiểm tra được 108 cơ sở buôn bán vật tư nông nghiệp; số cơ sở sai phạm đã bị xử lý là 16 cơ sở, với số tiền xử phạt là 219.628.000 đồng.

## **2.9. Về thực hiện cơ chế chính sách trong vụ Hè thu - Mùa 2025**

Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2025 như sau:

a) Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh:

- Hiện nay UBND tỉnh đã phân bổ trên 194,792 tỷ đồng để khôi phục sản xuất (riêng lĩnh vực trồng trọt) vùng bị thiệt hại do mưa lớn, lốc sét theo Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND, góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- Hỗ trợ kinh phí tích tụ ruộng đất, máy nông nghiệp, chứng nhận mô hình sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, xây dựng nhà lưới (màng), giống cây trồng năng suất cao, chất lượng tốt theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ với số tiền hỗ trợ trong vụ Hè thu - Mùa 2025 với số tiền hơn 5.387,6 triệu đồng. Chính sách này đã góp phần khuyến khích được người dân, doanh nghiệp tham gia chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bao tiêu sản phẩm, nâng cao được hiệu quả kinh tế.

b) Hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp xã

Ngoài kinh phí hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh thì có 02 xã Thần Lĩnh, Quan Thành đã trích ngân sách địa phương hỗ trợ nông dân để diệt chuột, tập huấn KHKT cho nông dân với tổng số tiền 102,0 triệu đồng.

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **3.1. Tồn tại, hạn chế**

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch, sản lượng một số cây trồng (lúa, lạc, đậu đỗ, ngô sinh khối) không đạt so với kế hoạch đề ra; tiến độ gieo trồng lúa vụ Hè thu còn chậm.

- Hàng ngàn diện tích cây trồng bị thiệt hại trong vụ Hè thu - Mùa 2025.

- Diện tích đất lúa trong kế hoạch không sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2025 là 831,73 ha (tại một số xã, phường như Tân Châu, Thành Vinh, Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Giai Lạc, Vân Du, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Quỳnh Hợp, ...).

- Tỷ lệ diện tích lúa áp dụng cây bằng máy thắp (chiếm 4,90 % diện tích lúa). Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm và diện tích được chứng nhận theo các tiêu chuẩn an toàn vẫn còn chiếm tỷ lệ rất thấp (diện tích được chứng nhận an toàn chiếm khoảng 0,65 %, diện tích được liên kết bao tiêu sản phẩm chiếm khoảng 13,38 %).

#### **3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

##### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Vụ Xuân 2025 nhiệt độ không khí trung bình thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước, tần suất xảy ra các đợt không khí lạnh cao hơn đã kéo dài thời gian sinh trưởng của cây lúa, dẫn đến thời gian thu hoạch lúa Xuân chậm hơn so với các năm. Do đó, tiến độ gieo trồng lúa vụ Hè thu - Mùa 2025 muộn, một số diện tích lúa Hè thu chạy lụt không kịp thời vụ sản xuất nên diện tích lúa Hè thu không đạt kế hoạch đề ra.

- Do ảnh hưởng của bão số 3 (từ ngày 21-25/7), bão số 5 (24-26/8), bão số 6 (29-31/8), bão số 10 (28-30/9) gây mưa lớn trên diện rộng nhiều nơi và đã làm thiệt hại hàng ngàn diện tích cây trồng nên đã ảnh hưởng đến hoàn thành kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng và tăng chi phí sản xuất.

##### **b) Nguyên nhân chủ quan**

- Sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2025 trong thời điểm thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, mới tiếp cận địa bàn và một số địa phương còn thiếu cán bộ chuyên môn phụ trách. Do vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục thiên tai hay tuyên truyền, hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng ở một số địa phương còn chưa kịp thời, chưa sâu sát và quyết liệt nên đã ảnh hưởng đến hoàn thành các chỉ tiêu về diện tích, sản lượng và ứng dụng các khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế đã ảnh hưởng diện tích được chứng nhận VietGAP, hữu cơ, liên kết sản xuất.

- Hiệu quả sản xuất vụ Hè thu - Mùa thấp do nhiều rủi ro (*thời tiết, dịch hại, năng suất thấp*); Bên cạnh đó, các chính sách khuyến khích sản xuất chưa đủ mạnh nên một số diện tích người dân không sản xuất

- Lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa, tiếp cận thông tin về KHCN, TBKT của đa số nông dân vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, nguồn vật tư nông nghiệp có nguồn gốc hữu cơ (*phân bón hữu cơ, thuốc BVTV sinh học*) còn ít và chưa đa dạng; công tác tuyên truyền, vận động người dân trong việc nâng cao chất lượng nông sản phẩm còn hạn chế nên diện tích được sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc còn ít.

- Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu nước một số nơi xuống cấp, chưa được đầu tư xây dựng dẫn đến việc điều tiết nước phục vụ sản xuất còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến kế hoạch diện tích gieo trồng.

- Số lượng máy cày và đơn vị sản xuất mạ khay phục vụ cấy máy trên địa bàn tỉnh còn ít so với nhu cầu. Do đó, diện tích lúa cấy máy hiện nay còn hạn chế.

- Do thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các bên trong quan hệ sản xuất và tiêu thụ; vẫn còn hiện tượng phá vỡ cam kết đã thỏa thuận ban đầu gây mất niềm tin giữa các bên. Quy mô sản xuất, năng lực, nguồn lực và trình độ của các bên còn hạn chế, thiếu sự gắn kết với thị trường tiêu thụ.

- Quá trình vận động, khuyến khích nông dân tập trung ruộng đất để thực hiện sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, đồng thời tuân thủ nghiêm túc các quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn trong sản xuất và hình thành các liên kết bao tiêu sản phẩm, ... còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

#### **IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2025**

- Cần huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị để tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách kịp thời, quyết liệt.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất sát đúng với tình hình thực tế, phù hợp điều kiện cụ thể của từng vùng, địa phương. Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo thắng lợi trong sản xuất.

- Tập trung chỉ đạo nông dân gieo cấy lúa trên những diện tích có đủ nước tưới. Chỉ bố trí sản xuất lúa ở những vùng có nước ngọt đủ 3 tháng, tối thiểu phải đủ 2,5 tháng đảm bảo đủ nước ngọt ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng, trổ, chín sữa để đảm bảo năng suất lúa.

- Chủ động xây dựng kế hoạch điều tiết, tưới tiêu nước đảm bảo cho sản xuất. Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn thì huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích cây trồng đã gieo cấy. Thời điểm bão, mưa lớn gây ngập lụt

thì huy động mọi lực lượng với phương châm 4 tại chỗ, kịp thời ứng phó, tiêu thoát nước kịp thời để khắc phục, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra.

- Công tác dự tính, dự báo và cung cấp thông tin tình hình thiên tai, dịch hại cây trồng cho người dân kịp thời, chính xác; công tác hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại luôn chủ động, đúng thời điểm góp phần rất quan trọng trong phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại.

- Thực hiện tốt tác tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, để nông dân biết và thực hiện.

- Đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đặc biệt, cần huy động nguồn lực để triển khai các kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh cho nông sản Nghệ An một cách đồng bộ và bền vững; trong đó, cần chú trọng từ khâu xây dựng vùng trồng đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn để tạo ra nông sản an toàn và chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - VỤ MÙA NĂM 2026**

#### **I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2026**

##### **1.1. Dự báo tình hình thời tiết**

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Nghệ An tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2026 như sau:

\* Hiện tượng ENSO

Hiện tại, ENSO đang trong trạng thái La Nina với chuẩn sai nhiệt độ mặt 4 nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực NINO3.4) trong tuần đầu tháng 3/2026 ở mức -0,5 độ C. Dự báo, trong khoảng ba tháng tới, hiện tượng ENSO có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính với xác suất khoảng từ 80-90%. Trong thời kỳ tháng 7-9/2026, ENSO có xu hướng chuyển sang trạng thái pha El Nino với xác suất khoảng 60-70% và nhiều khả năng sẽ duy trì trạng thái El Nino trong những tháng còn lại của năm 2026.

\* Bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- *Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông ở mức tương đương TBNN và có khả năng xuất hiện từ khoảng nửa cuối

tháng 6/2026. Trong đó, có khoảng 2-3 cơn ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An (tập trung vào tháng 9-10).

- *Mưa lớn cục bộ, dông, lốc, sét, mưa đá*: có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, đặc biệt trong các thời kỳ chuyển mùa.

- *Nắng nóng*: Nắng nóng bắt đầu xuất hiện từ nửa đầu tháng 4/2026, có xu hướng mở rộng và gia tăng cường độ từ nửa cuối tháng 4/2026. Từ tháng 9/2026, nắng nóng suy giảm về cường độ. Nắng nóng năm 2026 có khả năng xảy ra nhiều hơn so với cùng kỳ năm 2025.

- *Mưa lớn*: Mùa mưa tại ở Nghệ An bắt đầu tương đương TBNN vào khoảng tháng 8-10/2026.

- *Nhiệt độ*:

+ Từ tháng 04-05/2026 và 10-12/2026, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (*dự báo nhiệt độ TB từ 24,5 - 28°C*).

+ Từ tháng 06-09/2026, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5-1,0°C so với TBNN cùng thời kỳ (*dự báo nhiệt độ TB từ 27-31°C*).

- *Lượng mưa*:

+ Từ tháng 04-07/2026 và tháng 11-12/2026: tổng lượng mưa xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Từ tháng 08-10/2026: tổng lượng mưa thấp hơn từ 10-20% so với TBNN cùng kỳ.

\* Thủy văn

- Từ tháng 04 đến tháng 05/2026, mực nước trên các sông Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế giảm dần, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu ảnh hưởng của thủy triều. Lượng dòng chảy từ tháng 04 - 05/2026 có khả năng thấp hơn so với TBNN từ 10 - 24% cùng thời kỳ.

- Từ tháng 06 - 9/2026, lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng xuất hiện 02 - 03 đợt lũ. Lượng dòng chảy trên các sông Nghệ An có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN từ 05 - 15% cùng thời kỳ. *Cần đề phòng nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất vùng đồi núi và ngập úng cục bộ ở những vùng thấp trũng.*

## **1.2. Nhận định về tình hình nguồn nước**

a) Nguồn nước các hồ chứa thủy lợi:

Tỉnh Nghệ An có 1.061 hồ chứa. Tính đến ngày 24/3/2026 tình hình như sau:

- Các hồ chứa do công ty TNHH thủy lợi quản lý: Quan trắc 350 hồ, hiện nay có hơn 97% hồ chứa có dung tích hữu ích đạt so với dung tích thiết kế, (*Cụ thể: 10*

*hồ đầy nước, cùng kỳ năm 2025 có 10 hồ đầy nước; 309 hồ có dung tích >70 % WTK, cùng kỳ năm 2025 có 304 hồ; 23 hồ có dung tích từ 50-70% WTK, cùng kỳ năm 2025 có 23 hồ; 08 hồ có dung tích <50% WTK (01 hồ đang thi công), cùng kỳ năm 2025 có 13 hồ).*

- Các hồ chứa do địa phương quản lý: có 711 hồ. Lượng nước trong các hồ chứa đến thời điểm hiện nay đạt 65 - 80 % dung tích thiết kế.

b) Hồ chứa thủy điện Bản Vẽ: Mức nước hồ Bản Vẽ Lúc 17 giờ 00 phút ngày 24/3/2026: Mức nước hồ: 192,72m/200m; lưu lượng về hồ 50m<sup>3</sup>/s; Dung tích hữu ích 1.071,1 triệu m<sup>3</sup>; dung tích hiện tại là 1.522,7 triệu m<sup>3</sup> /TK 1.835 triệu m<sup>3</sup> (đạt 83%); (Cùng kỳ TL 191,24m/TK 200m).

### **1.3. Tình hình sản xuất vụ Xuân 2026**

a) Về diện tích gieo trồng: Theo báo cáo của các xã, phường tính đến ngày 19/3/2026 diện tích các cây trồng vụ Xuân 2026 như sau:

- Cây Lúa: Tổng diện tích lúa đã gieo cấy 90.526,09 ha/KH 90.500 ha, đạt 100,03%. Trong đó diện tích lúa lai là 42.587,63 ha, diện tích lúa thuần là 47.938,46. Diện tích lúa trổ trước 10/4 khoảng 11.000 ha, trổ từ 11 - 20/4 khoảng 42.000 ha, trổ từ 21/4 - 05/5 hơn 37.500 ha.

- Cây Ngô: Diện tích đã gieo trồng: 16.513,26 ha/KH 19.000 ha, đạt 86,91 %.

- Cây lạc: Diện tích đã gieo trồng: 7.114,4 ha/KH 7.000 ha, đạt 101,63 %.

- Cây rau các loại: Diện tích đã gieo trồng: 10.377,4 ha/KH 12.940 ha, đạt 80,2 %.

- Cây Khoai lang: Diện tích đã gieo trồng: 956,27 ha/KH 925 ha, đạt 103,38 %.

- Tình hình sinh trưởng các loại cây trồng: Hiện nay, các cây trồng đang sinh trưởng và phát triển tốt. Cây lúa giai đoạn đứng cái, làm đòng; Cây ngô: giai đoạn xoắn nõn đến trổ cờ, phun râu; cây lạc: ra hoa, đâm tia, phát triển củ,...

b) Tình hình sâu bệnh hại chính

+ Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn lá: tổng diện tích nhiễm bệnh trên 680 ha (trong đó có 37,2 ha nhiễm nặng); Chuột hại: Phát sinh gây hại trên diện rộng, tổng diện tích bị chuột hại 2.605,8 ha, trong đó có 243,2 ha bị hại nặng; Ốc bươu vàng: tổng diện tích nhiễm 248,1 ha, trong đó nhiễm nặng 2,8 ha; Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: tổng diện tích nhiễm bệnh 26,7 ha,... Một số đối tượng khác xuất hiện rải rác và gây hại nhẹ.

+ Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu phát sinh gây hại với diện tích 5 ha; chuột hại với diện tích 2,5 ha; hiện tượng xoắn lùn gây hại cục bộ, ... Các đối tượng khác phát sinh gây hại cục bộ, ở mức độ nhẹ.

+ Trên cây lạc: Diện tích nhiễm các đối tượng sâu bệnh chính như: Bệnh Mốc xám, thối gốc, thối cành với diện tích 61,2 ha; bệnh đốm lá 5,6 ha và các đối tượng khác phát sinh gây hại cục bộ.

+ Trên cây rau: Các đối tượng sinh vật gây hại như: mốc sương khoai tây, sương mai, héo xanh, đốm lá, ... phát sinh gây hại.

#### **1.4. Nhận định về tình hình dịch hại**

Dự báo trong vụ Hè Thu - Mùa năm 2026 tình hình sinh vật gây hại chính trên các cây trồng chính sẽ diễn biến phức tạp, khó lường. Trên cây lúa thời kỳ đầu vụ khả năng ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ, ngộ độc hữu cơ,... sẽ gây hại trên diện rộng, cục bộ một số vùng bị gây hại nặng, giữa đến cuối vụ các đối tượng như chuột, sâu cuốn lá nhỏ, rầy, sâu đục thân, nhện gié, bệnh bạc lá, lem lép hạt, khô vằn,... có nguy cơ gây hại cao, cục bộ một số diện tích có khả năng bị gây hại nặng gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng sản phẩm. Ngoài cây lúa, các loại sâu bệnh có nguy cơ cao phát sinh gây hại trên các cây trồng khác như: Sâu keo mùa thu hại ngô, sâu khoang, bệnh lở cổ rễ, héo xanh hại lạc, sâu cuốn lá hại vùng, đậu đỗ.

#### **1.5. Những thuận lợi, khó khăn sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2026**

##### **1.5.1. Thuận lợi**

a) Chính quyền cấp xã sau khi sáp nhập đã đi vào hoạt động ổn định. Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương vào cuộc đề tập trung chỉ đạo. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết 34/2025/NQ-HĐND đã nâng mức hỗ trợ sẽ tạo điều kiện đưa nhanh, áp dụng rộng rãi các KHCV, TBKT áp dụng vào sản xuất.

b) Việc đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên tất cả các lĩnh vực, cùng với các tiến bộ kỹ thuật về giống (*giống năng suất chất lượng cao, giống chống chịu sâu bệnh, hạn hán, ...*), công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (*hữu cơ, VietGAP, ...*), liên kết sản xuất, cơ giới hóa (*khâu làm đất, gieo cấy, thu hoạch, phun thuốc BTVT bằng máy*),... ngày càng khẳng định được hiệu quả là điều kiện thuận lợi để phát triển, ứng dụng vào sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm công lao động, đẩy nhanh tiến độ gieo trồng đảm bảo thời vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất.

c) Tính đến ngày 30/12/2025, toàn tỉnh có 730 HTX nông nghiệp. Trong đó, có 101 HTX có ứng dụng công nghệ cao (chiếm 4,04% số HTX CNC toàn quốc) và 120 HTX có sản phẩm đạt hạng sao OCOP với tổng 216 sản phẩm (chiếm khoảng 4,0% số HTX là chủ thể OCOP cả nước), có 278 hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chiếm 38,08%. Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng đã được

khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

d) Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho bố trí thời vụ, chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

e) Cơ giới hóa nông nghiệp ngày càng được ứng dụng rộng rãi ở các khâu, nhiều loại máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại được áp dụng trong sản xuất sẽ đẩy nhanh thời vụ, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch.

### **1.5.2. Khó khăn**

#### **a) Về thời tiết**

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Nghệ An: Có khoảng 2 - 3 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Nghệ An (tập trung vào tháng 9 - 10). Nhiệt độ trung bình từ tháng 05 - 07/2026 phổ biến ở mức 27 - 31<sup>0</sup>C, cao hơn khoảng 0,5 - 1,0<sup>0</sup>C so với TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa từ tháng 04 - 07/2026, TLM phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, từ tháng 08 - 10/2026, TLM phổ biến cao hơn so với TBNN 10 - 20% cùng thời kỳ. Nắng nóng có khả năng xuất hiện ở khu vực tỉnh Nghệ An từ nửa đầu tháng 4, và gia tăng cường độ trong tháng 5 - 8/2026; với thực trạng nguồn nước tại các hồ đập, sông suối và các công trình đầu mối nói trên thì nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, nhất là vùng cao cường, cuối kênh và cuối hệ thống. Do đó, nguy cơ thiếu nước sản xuất đầu vụ, tưới dưỡng, cuối vụ chịu ảnh hưởng bởi mưa bão nên sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch vụ Hè thu - Mùa 2026 (*diện tích, năng suất, sản lượng*).

#### **b) Về nguồn nước**

- Theo dự báo của một số địa phương có diện tích nguy cơ hạn, thiếu nước nằm trong kế hoạch khoảng 4.292 ha (tại một số xã như Minh Châu, Quảng Châu, Bạch Hà, Yên Trung, Lương Sơn, Tam Hợp, Quỳnh Phú, Xuân Lâm, Vân Du, Vân Tụ, Quang Đông, Hợp Minh, ...), do đó sẽ ảnh hưởng đến hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất.

- Một số các công trình thủy lợi, kênh mương, cống, trạm bơm, ... bị thiệt hại, hư hỏng do các cơn bão của năm 2025 chưa khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2026.

c) Diễn biến tình hình chính trị trên thế giới dự báo còn phức tạp nên sẽ ảnh hưởng đến:

- Giá cả và nguồn cung ứng vật tư nông nghiệp tăng nhất là phân bón sẽ ảnh hưởng đến đầu tư sản xuất của người dân. Do đó, sẽ gây khó khăn trong chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất.

- Giá xăng dầu leo thang sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch lúa vụ Xuân 2026, tiến độ gieo cấy vụ Hè thu - Mùa 2026 và làm tăng chi phí sản xuất.

d) Nguy cơ tiềm ẩn một số dịch hại có thể phát sinh gây hại mạnh trong vụ Hè thu - Mùa 2026 như: Sâu cuốn lá nhỏ, chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh lùn sọc đen, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô. Nhất là những vùng không sản xuất sẽ là nơi trú ngụ, phát sinh của chuột và các loại sâu bệnh hại.

e) Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp đang ngày càng già hóa và thiếu do chuyển dịch sang các ngành nghề khác có thu nhập ổn định hơn sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch diện tích, chăm sóc, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

f) Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất, kiểm tra, giám sát ở một số địa phương vẫn chưa thực sự chủ động và quyết liệt; Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng. Diện tích đất sản xuất bình quân/hộ ít, manh mún, nhỏ lẻ nên việc ứng dụng các tiến bộ sản xuất hạn chế, là lực cản trong sản xuất hàng hóa quy mô lớn cũng như thu hút các dự án lớn cho phát triển nông nghiệp.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2026**

### **2.1. Phương hướng**

- Linh động, quyết liệt và huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tập trung chỉ đạo sản xuất. Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống và thời vụ phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Hè thu - Mùa 2026 hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả cao.

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ ở những vùng sản xuất không an toàn, kém hiệu quả trong vụ Hè thu - Mùa sang các cây trồng khác có nhu cầu nước ít hơn để đảm bảo sản xuất an toàn, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng KHHCN, tiến bộ kỹ thuật, mở rộng diện tích các cây trồng sản xuất theo hướng an toàn (hữu cơ, VietGAP, ...) để nâng cao giá trị nông sản; hình thành các vùng sản xuất tập trung, tuân thủ các quy trình, quy chuẩn, đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm từ khâu sản xuất đến chế biến và tiêu thụ.

- Đẩy mạnh thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; Chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để

hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, tập trung ruộng đất, liên kết sản xuất, kết nối tiêu thụ và quảng bá nông sản của địa phương.

## 2.2. Mục tiêu kế hoạch

### a) Sản xuất lương thực

- Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH tỉnh Nghệ An năm 2026, trong đó chỉ tiêu sản lượng lương thực năm 2026 là 1.211.720 tấn. Căn cứ vào kết quả sản xuất vụ Đông 2025 (*diện tích ngô đạt 14.064,21 ha, sản lượng đạt 75.825,13 tấn*); ước vụ Xuân năm 2026 (*cây lúa: diện tích ước đạt 90.526,09 ha, sản lượng ước đạt 621.009 tấn; cây ngô lấy hạt: diện tích ước đạt 17.000 ha, sản lượng ước đạt 89.250 tấn*), thì vụ Hè Thu - Mùa năm 2026 phải phấn đấu đạt 425.775 tấn lương thực.

- Để sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2026 an toàn, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế thì mục tiêu cụ thể các cây trồng phấn đấu đạt như sau: (*kèm theo phụ lục 02*).

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
<b>1</b>	<b>Cây lúa, trong đó</b>	<b>78.000</b>	<b>48,62</b>	<b>379.200</b>
1.1	Vụ Hè Thu	56.000	52,0	291.200
1.1	Vụ Mùa	22.000	40,0	88.000
<b>2</b>	<b>Cây ngô</b>	<b>11.500</b>	<b>40,5</b>	<b>46.575</b>
	<b>Tổng cộng sản lượng lương thực có hạt</b>			<b>425.775</b>

*Trong đó, cơ cấu khoảng 30.000 ha lúa chất lượng.*

### b) Các cây trồng khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lạc	700	22,5	1.575
2	Đậu đỗ các loại	1.320	9,5	1.254
3	Cây vừng	2.200	7,8	1.716
4	Rau các loại	9.645	149	143.711

### c) Cây công nghiệp, cây ăn quả

Chuẩn bị giống và các điều kiện về số lượng, đảm bảo chất lượng để phục vụ cho kế hoạch trồng mới vụ Thu 2026 các cây: Chè (38 ha); Dừa (1.011,9 ha); Cam (8,1 ha); Bưởi (5,33 ha); Quýt (5,5 ha).

### III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### 3.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

##### a) Cây lúa

Với dự báo tình hình hạn hán có thể xảy ra đối với vùng cao cường, cuối kênh, cuối hệ thống, cuối vụ xảy ra mưa bão, dông lốc. Do đó, thực hiện thời vụ gieo cấy lúa Hè Thu với phương châm “Càng sớm càng tốt” và đặt an toàn, hiệu quả lên trên hết; phải xem xét thời điểm thu hoạch lúa Xuân, khả năng phân phối nước để chọn thời điểm ra mạ, gieo cấy và cơ cấu giống để khép kín diện tích và tránh bão, mưa lụt, áp thấp nhiệt đới cuối vụ.

Sử dụng các giống đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có hiệu quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống có năng suất cao, ổn định, chất lượng gạo khá vào sản xuất, đảm bảo mục tiêu tăng cơ cấu và diện tích sản xuất giống chất lượng trên địa bàn tỉnh.

Để đảm bảo các yêu cầu trên, định hướng sử dụng giống và bố trí thời vụ cho từng vùng được xác định như sau:

\* *Vùng thấp trũng có nguy cơ ngập lụt cao*: Diện tích trên 8.700 ha, tập trung ở các xã Minh Châu, Quảng Châu, Tân Châu, Hợp Minh, Yên Thành, Quỳnh Anh, Quỳnh Lưu, Quỳnh Phú, Thần Lĩnh, Phúc Lộc, Hưng Nguyên, Yên Trung, Lam Thành, Hưng Nguyên Nam, Bích Hào, Hoa Quân, ..... Đối với vùng này để tránh bị ngập lụt cuối vụ, cần tuân thủ chặt chẽ về lịch thời vụ, gieo mạ để cấy, sử dụng các giống cực ngắn ngày.

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 30/8.

- Cơ cấu giống như sau: Nên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày và gieo mạ để cấy.

+ Lúa thuần: TBR97; Khang dân đột biến, LTH31 (SL9)

+ Lúa Lai: Việt Lai 20.

\* *Vùng đất vàn*

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 25/9.

- Cơ cấu giống: Đây là vùng Hè Thu thâm canh, cần sử dụng các giống có năng suất cao, thời gian sinh trưởng có thể dài hơn nhưng không quá 110 ngày. Trường hợp lúa Xuân thu hoạch muộn hoặc do điều tiết nước để làm đất gieo cấy gặp khó khăn, muộn thì phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Những địa phương có điều kiện về nguồn nước đảm bảo, chỉ đạo tốt việc gieo mạ và bố trí thời vụ hợp lý để thu hoạch an toàn thì có thể cơ cấu những giống dài ngày hơn, gạo chất lượng.

Cơ cấu giống vùng này như sau:

+ Lúa thuần: VNR20; LTH31 (SL9); Bắc Thịnh; Vật tư-NA2; TBR225; Thiên ưu 8.

+ Lúa lai: Thái xuyên 111; Long Hương 8117; Thụy Hương 308.

\* *Vùng vàn cao ở đồng bằng, vùng ruộng lúa bán sơn địa*

- Thời vụ gieo cấy: Vùng này có thể bố trí gieo cấy để thu hoạch sau 25/9.

- Cơ cấu giống:

+ Đối với vùng chủ động nước: Ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt như các giống cơ cấu ở vùng vàn.

+ Đối với vùng không chủ động nước, có nước muộn nên sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt và giống có khả năng chịu hạn để khi có nước thì tiến hành gieo cấy cho kịp thời vụ.

*Chú ý: Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương. Trên cùng một xứ đồng nên chọn các giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải gieo cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu, bệnh hại.*

*Tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các xã, phường có thể lựa chọn các giống lúa tại **phụ lục 03** để đưa vào cơ cấu giống của địa phương.*

\* *Đối với diện tích 4.292 ha đất lúa có nguy cơ hạn, thiếu nước*

- Tích trữ nước hiện có trên ruộng đang sản xuất lúa vụ Xuân; hạn chế tối đa việc tiêu tháo nước khi thu hoạch lúa Xuân ở những diện tích này.

- Đối với những diện tích lúa Hè thu nguy cơ bị hạn cao, không có nước sản xuất kịp thời vụ thì chuyển sang trồng vụ Mùa để khép kín diện tích nhưng vẫn phải đảm bảo có nước ngọt tối thiểu 2,5 tháng để cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt.

- Đối với những diện tích này nên sử dụng các giống cực ngắn ngày như vùng thấp trũng để giảm bớt áp lực thời gian trong sản xuất.

- Các địa phương xây dựng phương án chống hạn; huy động cả hệ thống chính trị, mọi lực lượng để chỉ đạo, điều tiết đủ nước phục vụ trước và trong quá trình sản xuất đối với những diện tích có nguy cơ hạn hán.

- Thời điểm nắng nóng, đất bị khô hạn, huy động mọi giải pháp để ưu tiên tưới trên những diện tích lúa đã gieo cấy để bảo vệ cây trồng, hạn chế thấp nhất thiệt hại gây ra.

***b) Các cây hoa màu ngắn ngày (ngô, lạc, vừng, đậu đỗ, rau các loại):***

Sau khi thu hoạch vụ Xuân, cần chủ động tranh thủ đất đủ độ ẩm để làm đất gieo ngay. Sử dụng các giống sau:

- Cây ngô: Mỗi địa phương lựa chọn không quá 03-05 giống ngô lai và 02 giống ngô nếp để đưa vào cơ cấu và với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh, ưu tiên sử dụng các giống ngô chuyển gen để hạn chế sự gây hại của sâu keo mùa thu với các giống sau: DK 6919S; CP511; NK6275; NK6101BGT; CP511S; HN68, TBM18, ... Ngoài các giống trên có thể lựa chọn các giống ngô khác có trong **phụ lục 04**.

- Cây lạc: Sử dụng các giống như: L14, L23, L26, L27, Sen lai (75/23), TK10, L20, ... (**Chi tiết tại phụ lục 05 kèm theo**)

- Cây vừng: Sử dụng các giống: V6 và vừng địa phương (đen, vừng vàng), ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

- Cây đậu đỗ các loại: Đậu xanh: V 135, ĐX 208, ĐX 11, ĐX 21, giống địa phương (đậu đen xanh lòng, đậu đen trắng lòng, đậu đỏ) , ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

- Cây rau các loại: Có thể sử dụng các giống sau:

+ Bí xanh: Bí xanh số 1, Nova 209, Bí xanh Green 558, Bí xanh Ruby 456, An Điền 686, ...

+ Mướp ngọt: Hương Việt, Thanh Hoa, ...

+ Mướp đắng: F1 Palee, TV-208, ...

+ Dưa hấu: Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đổng, Trang Nông 1096, AD779, VT448, ... (**Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo**).

+ Rau mồng tơi, rau muống hạt, rau dền, ...

### **3.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

- Các địa phương căn cứ quy định tại Luật Trồng trọt; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2026 theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai chuyển đổi đúng với các quy định hiện hành, có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, nhất là những vùng không đủ nước tưới suốt cả vụ, vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng trồng lúa kém hiệu quả để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Xây dựng các cơ chế để khuyến khích nông dân ứng dụng các quy trình sản xuất an toàn trên diện tích chuyển đổi. Hình thành vùng sản xuất tập trung trên

diện tích chuyên đổi để gắn với bao tiêu sản phẩm, phát triển bền vững và tạo động lực cho nông dân chuyển đổi.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ, hạn chế bỏ hoang đất. Khuyến khích chuyển đổi cả 2 vụ để thuận lợi cho việc lựa chọn cây trồng thích hợp.

+ Đối với những vùng bán sơn địa, cuối kênh thường xuyên thiếu nước đầu vụ nhưng có nước muộn có thể chuyển sang trồng ngô sinh khối hoặc các cây màu khác có nhu cầu nước ít hơn như: đậu đỗ, vừng, hoa lý, ...

+ Đối với vùng thấp lệt có thể chuyển sang trồng sen, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, ...

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân nắm rõ các điều kiện và thủ tục chuyển đổi theo quy định; đồng thời tăng cường quảng bá các mô hình chuyển đổi có hiệu quả, các quy trình sản xuất an toàn trên đất chuyển đổi để người dân biết và áp dụng rộng rãi.

### **3.3. Sử dụng phân bón**

- Vụ Hè thu - Mùa có khoảng thời gian giữa 2 vụ ngắn, chất hữu cơ trên ruộng chưa phân hủy hết, do vậy để đảm bảo an toàn, hiệu quả cần ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy gốc rạ tránh ngộ độc hữu cơ; cày bừa kỹ; bón phân cân đối, đúng loại, đúng liều lượng, bón nặng đầu, nhẹ cuối.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, xây dựng mô hình để khuyến khích người dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học; tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu phân bón hóa học trước tình hình nguồn cung và vật giá leo thang, đồng thời cải tạo cấu trúc đất, giúp đất tơi xốp, giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu với điều kiện bất thuận, vừa giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn với môi trường và sức khỏe con người.

- Để giảm thất thoát phân do nắng hạn, mưa lớn, cần căn cứ vào điều kiện thời tiết, nhu cầu dinh dưỡng từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng để tăng hiệu quả sử dụng phân bón.

### **3.4. Công tác Bảo vệ thực vật**

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Tập trung các đối tượng sinh vật gây hại chủ yếu như như: Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié,... hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, để chủ động áp dụng biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng để nâng cao chất lượng nông sản, giảm tồn dư thuốc BVTV trong nông sản, trong đất.

### **3.5. Công tác thủy lợi**

- Phải bảo đảm tưới đủ cho toàn bộ diện tích gieo cấy theo kế hoạch đề ra và chống hạn cho cây công nghiệp, cây ăn quả,... trong đó ưu tiên nước phục vụ tưới cho gieo cấy lúa vụ Hè Thu (khoảng 56.000 ha).

- Rà soát tình hình nguồn nước; Lập phương án tưới chống hạn cho từng vùng, từng công trình (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa, vùng sử dụng nguồn nước tưới sông Lam) và triển khai khi hạn hán thiếu nước xảy ra. Phối hợp với các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ các công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có, đồng thời bố trí lực lượng thường trực tại các công trình thủy lợi để vận hành công trình đáp ứng yêu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và đảm bảo tiêu úng kịp thời khi có mưa bão xảy ra.

- Tập trung, sẵn sàng lấy nước và dự trữ vào hệ thống và trên ruộng đồng khi các nhà máy thủy điện xả nước tối đa phục vụ sản xuất; tận dụng đầm, ao hồ, bãi biển, sông cắt, các kênh trục lớn để tích trữ nước nội đồng.

- Đối với hệ thống tưới: Đẩy nhanh tiến độ tu sửa kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, các cửa vào cống lấy nước, bể hút các trạm bơm, đảm bảo 100% công trình sẵn sàng vận hành phục vụ sản xuất.

- Đối với hệ thống tiêu: Tập trung nạo vét, thông thoát hệ thống kênh tiêu (nhất là kênh tiêu nội đồng) bị bồi lấp, ách tắc, đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời khi có mưa, lũ. Đồng thời, chủ động trữ nước trong nội đồng khi có thông tin thời tiết bất lợi về nguồn nước.

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, chống rò rỉ thất thoát, sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa và cây trồng cạn.

- Lắp đặt các trạm bơm dã chiến; bảo dưỡng máy móc thiết bị, sẵn sàng vận hành bơm chống hạn và tiêu thoát nước khi có mưa lũ gây ngập úng.

- Đối với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: Chuẩn bị các điều kiện để chống hạn khi nắng hạn kéo dài gây ra như: Tủ gốc để giữ ẩm, khoan giếng ở những nơi có mạch nước ngầm, đắp các hồ chứa, bể chứa nhỏ, phát triển mạng lưới bơm nhỏ để tưới. Riêng đối với cây Chè ngoài thực hiện các biện pháp chống hạn nêu trên, nên bố trí trồng các loại cây che bóng phù hợp trên vườn chè và không hái chè bằng máy vào thời gian nắng hạn, dừng hái khi có nắng hạn kéo dài.

- Tuyệt đối phải tuân thủ quy trình: Trước, trong khi bơm phải kiểm tra nguồn nước, nếu độ mặn đến ngưỡng không cho phép theo quy định thì phải ngừng bơm ngay để không làm ảnh hưởng cây lúa và hoa màu.

- Tổ chức quản lý vận hành các hệ thống và các công trình thủy lợi phù hợp, tiết kiệm nước.

### **3.6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp**

Các cấp ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

### **3.7. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN ; nhân rộng các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ và phát triển sản xuất trồng trọt giảm phát thải, tạo lập tín chỉ Cacbon**

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN, các quy trình sản xuất an toàn (theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,...) và cơ giới hóa trong sản xuất ở các khâu trên các cây trồng thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân; có các chính sách, cơ chế để thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia để mở rộng những diện tích này.

- Quan tâm triển khai các giải pháp kỹ thuật để mở rộng diện tích sản xuất lúa giảm phát thải, hướng tới sản xuất bền vững và tạo lập tín chỉ cacbon.

- Đẩy mạnh áp dụng cấy lúa bằng máy để nâng cao hiệu quả sản xuất, thực hiện thời vụ tập trung và giải quyết vấn đề già hóa lao động trong sản xuất nông nghiệp.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau, củ, quả, chè, lúa, ... sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng, ...

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân biết và thực hiện.

### **3.8. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cấp mã số vùng trồng**

#### **a) Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm**

- Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác liên kết hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và tỉnh đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp

#### b) Cấp, quản lý mã số vùng trồng

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo Nghị định 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ đến các tổ chức, cá nhân sản xuất trên địa bàn.

- Vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng các vùng trồng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đủ điều kiện để cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói sẵn sàng xuất khẩu và đáp ứng các yêu cầu thị trường xuất khẩu.

### 3.9. Cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới, nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật để khôi phục sản xuất theo Nghị định 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 05/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của Trung ương và tỉnh, đề nghị UBND xã, phường cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng ứng dụng KHCN, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2026. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo quy định hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

### **4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường**

#### ***4.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật***

- Phối hợp với UBND các xã, phường tuyên truyền, kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Nghệ An để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình hạn hán, mưa lụt, bão, dông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Tham mưu xây dựng, đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó, khắc phục thiệt hại đối với những tình huống thời tiết bất thuận như hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng, .... để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương để hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình thực hành nông nghiệp tốt, như: VietGAP, hữu cơ,... đồng thời, triển khai xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vùng trồng tạo ra nông sản an toàn, đảm bảo chất lượng phục vụ chế biến và đủ điều kiện xuất khẩu.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Hè thu – Mùa 2026 để làm cơ sở cho các địa phương tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền các xã, phường và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các mạng xã hội chính thống để phổ biến, khuyến cáo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

#### **4.2.2. Chi cục Thủy lợi**

- Xây dựng phương án tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2026. Trên cơ sở đó tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nguồn nước để phục vụ sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để xây dựng phương án chống hạn ngay từ đầu vụ (nhất là những diện tích có nguy cơ hạn hán, vùng bán sơn địa, cuối kênh). Trong đó, lưu ý vùng bơm điện phải có lịch tưới cụ thể để có căn cứ thống nhất với ngành điện về bố trí điện phục vụ chống hạn. Bên cạnh đó, cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng để giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão gây ra.

- Chỉ đạo các Công ty, Xí nghiệp cung cấp đủ nước và kịp thời cho sản xuất, kiên quyết không để tình trạng thiếu nước xảy ra trên diện tích gieo cấy lúa theo kế hoạch. Phối hợp với các Ban quản lý công trình thủy điện (nhất là Ban quản lý công trình thủy điện Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê) để có kế hoạch xả nước hợp lý, đảm bảo sản xuất.

- Tiến hành rà soát lại nguồn nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn tỉnh kể cả các hồ đập nhỏ, trên cơ sở đó phối hợp với các địa phương để có phương án bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng.

- Chỉ đạo vận hành đúng quy trình các cửa âu thuyền ở các cống ngăn mặn để tiết kiệm nước và giữ ngọt ở các cống Bến Thủy, Nghi Quang, Diễn Thành. Rà soát kiểm tra số lượng bơm điện, bơm dầu đã chiến nếu hư hỏng phải đầu tư tu sửa để sẵn sàng đối phó khi xảy ra hạn hán, ngập lụt kéo dài.

### **4.2.3. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, phường để triển khai thực hiện Đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Hè thu - Mùa; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Hè thu – Mùa 2026 và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **4.2.4. Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường**

- Tập trung quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, nhất là các sản phẩm rau, củ, quả, ...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp xã và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

### **4.2.5. Trung tâm Khuyến nông**

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Hè thu - Mùa 2026, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Hè thu, Mùa đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

### **4.2.6. Trung tâm Giống Nông nghiệp**

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá vào cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Phòng Quản lý kỹ thuật và KH-CN).

**4.2.7. Các đơn vị khác thuộc Sở:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nội dung Đề án góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2026.

### 4.3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất trồng trọt của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu, trình độ thâm canh sản xuất, ... của địa phương để xây dựng kế hoạch sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa năm 2026 kịp thời, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và lợi thế sẵn có của địa phương. Kế hoạch sản xuất phải thể hiện sự phấn đấu cao, tổ chức chỉ đạo phải tích cực, quyết liệt và đề ra các giải pháp kỹ thuật sát đúng với thực tế sản xuất của địa phương.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương như sau:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, sát sao để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Hè thu - Mùa cấp xã để chỉ đạo và vận động nhân dân sản xuất, khép kín diện tích với phương châm sản xuất an toàn, hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng đã đề ra. Địa phương nào để người dân bỏ hoang (không sản xuất) trong điều kiện đất đai, nguồn nước đảm bảo thì phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

- Xây dựng cơ cấu giống, thời vụ tại địa phương để chỉ đạo, tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện nghiêm, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa vùng sâu trung, thường xuyên ngập lụt, đồng thời hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Xây dựng vùng sản xuất tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa, ứng dụng KH-CN và liên kết vào sản xuất. Đồng thời đẩy mạnh diện tích các cây trồng sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, sản xuất lúa giảm phát thải, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, ... để nâng cao giá trị nông sản.

- Các địa phương, đơn vị xây dựng phương án chống hạn và tổ chức thực hiện. Rà soát lại nguồn nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu – Mùa phù hợp, không gieo trồng đối với những diện tích không đảm bảo tưới suốt vụ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, nhất là vùng cao cường, vùng cuối kênh không có nước tưới suốt cả vụ hoặc vùng sản xuất lúa kém hiệu quả theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 567/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi năm 2026 để hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bỏ hoang (không sản xuất).

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng các loại vật tư không đảm bảo chất lượng nhằm bảo vệ tốt quyền lợi của người dân.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do hạn hán, mưa bão, ngập lụt gây ra; thông kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường phương án xử lý kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: sâu cuốn lá nhỏ, rầy lưng trắng, chuột, ... trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân để phát triển diện tích sản xuất lúa giảm phát thải, hướng tới sản xuất bền vững và tạo lập tín chỉ cacbon. Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, đặc biệt là mở rộng diện tích cây lúa bằng máy.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại, phát triển sản xuất,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

c) Chủ động, tích cực và có cơ chế để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Hè thu - Mùa để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

e) Thường xuyên cập nhật, báo cáo tình hình sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật theo quy định.

#### **4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã**

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với địa phương và nhu cầu của người dân để xác định quy mô sản xuất, cơ cấu cây trồng, thời vụ gieo trồng và các yếu tố kỹ thuật khác để đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

### **V. KIẾN NGHỊ**

Vụ Hè Thu, Mùa năm 2026 là vụ sản xuất sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như hạn hán, bão lụt, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen, sâu keo mùa thu, chuột,...; Nguồn cung phân

bón ảnh hưởng; giá cả vật tư nông nghiệp, xăng dầu leo thang. Do đó, để đảm bảo chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè thu, Mùa 2026 giành thắng lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2026 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo sản xuất thắng lợi.

2. Chỉ đạo các cấp, ngành, các đơn vị chuyên môn và địa phương:

- Tập trung chỉ đạo, triển khai tổ chức sản xuất, triển khai các chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân đầu tư sản xuất để đảm bảo vụ Hè thu – Mùa 2026 đạt kết quả cao nhất.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh giúp các địa phương tháo gỡ khi triển khai thực hiện Đề án; Xây dựng phương án chống hạn, xâm nhập mặn, lụt bão vụ Hè thu - Mùa cụ thể, chi tiết cho từng vùng để đảm bảo công tác cấp và tiêu nước phục vụ sản xuất khi có hạn hán, lụt bão xảy ra.

- Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để triển khai một số giải pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất vụ Hè thu, Mùa, điển hình như:

+ Tăng cường chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Trong đó, triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đất trồng lúa, tăng độ phì cho đất, xử lý gốc rạ giảm ngộ độc hữu cơ,... bằng việc sử dụng các loại chế phẩm vi sinh, chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ, vi sinh,... để hạn chế sử dụng phân bón hóa học trước tình hình giá cả tăng cao và nguồn cung hạn chế.

+ Tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ nguồn lực để tập trung phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng đảm bảo đủ điều kiện xuất khẩu, từng bước xây dựng các vùng trồng tập trung đạt tiêu chuẩn sẵn sàng phục vụ chế biến, nội tiêu và xuất khẩu.

### **3. Chỉ đạo Sở Công thương**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các Công ty Thủy điện trên địa bàn tỉnh điều tiết xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du khi hạn hán, thiếu nước và cắt lũ cho vùng hạ du khi mưa lớn gây ngập lụt.

- Chỉ đạo điện lực Nghệ An căn cứ vào lịch thời vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2026 để ưu tiên cấp điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những địa phương, các vùng không chủ động được nước, thời điểm cần điện để bơm nước để gieo cấy lúa và tưới dưỡng.

- Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, từng bước mở rộng thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

#### 4. Các cơ quan thông tin đại chúng

Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè thu - Mùa năm 2026. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các sở, ngành; sự quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện của các xã, phường và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp,... trên toàn tỉnh để sản xuất trồng trọt vụ Hè thu - Mùa năm 2026 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường (để chỉ đạo);
- UBND các xã, phường (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NNMT (để thực hiện);
- Webside Sở;
- Lưu VT, QLKTKHCN, TT&BVTV.

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Quốc Việt**

**Phụ lục 01: Kết quả sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2025**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Chỉ tiêu	Hè thu - Mùa 2024	Hè thu - Mùa 2025	So sánh 2025/2024		Kết quả vụ Hè Thu - Mùa 2025 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	<b>Cây lúa:</b> - Diện tích gieo trồng	77.133,85	76.668,27	-465,58	99,40	-831,73	98,93
	- Diện tích thu hoạch	77.132,85	66.424,79	-10.708,06	86,12	-11.075,21	85,71
	- Năng suất thu hoạch	50,08	41,90	-8,19	83,65	-5,49	88,41
	- Sản lượng	386.309,16	278.300,51	-108.008,65	72,04	-88.999,49	75,77
1.1	<b>Vụ Hè Thu</b> - Diện tích gieo trồng	56.859,59	55.557,14	-1.302,45	97,71	-442,86	99,21
	- Diện tích thu hoạch	56.858,59	47.924,69	-8.933,90	84,29	-8.075,31	85,58
	- Năng suất thu hoạch	53,27	42,56	-10,71	79,89	-8,44	83,45
	- Sản lượng	302.890,77	203.978,27	-98.912,50	67,34	-81.621,73	71,42
1.2	<b>Vụ Mùa:</b> - Diện tích gieo trồng	20.274,26	21.111,13	836,87	104,13	-388,87	98,19
	- Diện tích thu hoạch	20.274,26	18.500,10	-1.774,16	91,25	-2.999,90	86,05
	- Năng suất thu hoạch	41,14	40,17	-0,97	97,65	2,17	105,72
	- Sản lượng	83.418,39	74.322,24	-9.096,15	89,10	-7.377,76	90,97
2	<b>Cây ngô:</b> - Tổng diện tích gieo trồng	13.969,98	13.036,98	-933,00	93,32	1.536,98	113,37
	- Diện tích cho thu hoạch	13.969,98	10.091,34	-3.878,64	72,24	-1.408,66	87,75
2.1	<b>Ngô lấy hạt</b>						
	- Diện tích gieo trồng	11.501,97	11.244,21	-257,76	97,76	2.544,21	129,24
	- Diện tích thu hoạch	11.501,97	8.544,57	-2.957,40	74,29	-155,43	98,21
	- Năng suất thu hoạch	39,89	39,99	0,10	100,24	1,99	105,22
	- Sản lượng	45.877,81	34.165,63	-11.712,18	74,47	1.105,63	103,34
2.2	<b>Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò</b>						
	- Diện tích gieo trồng	2.468,01	1.792,77	-675,24	72,64	-1.007,23	64,03
	- Diện tích thu hoạch	2.468,01	1.546,77	-921,24	62,67	-1.253,23	55,24
	- Năng suất thu hoạch	373,26	396,04	22,78	106,10	46,04	113,15
	- Sản lượng	92.122,08	61.257,63	-30.864,45	66,50	-36.742,37	62,51
3	<b>Rau các loại:</b> -Diện tích gieo trồng	12.587,76	12.061,87	-525,89	95,82	461,87	103,98
	- Diện tích thu hoạch	12.574,46	11.689,58	-884,88	92,96	89,58	100,77
	- Năng suất thu hoạch	147,06	149,22	2,16	101,47	1,22	100,82
	- Sản lượng	184.915,94	174.432,43	-10.483,51	94,33	2.752,43	101,60
4	<b>Đậu đỗ các loại:</b> - Diện tích gieo trồng	1.902,42	1.832,34	-70,08	96,32	-67,66	96,44
	- Diện tích thu hoạch	1.902,42	1.827,32	-75,10	96,05	-72,68	96,17
	- Năng suất thu hoạch	9,00	9,51	0,51	105,63	0,51	105,63
	- Sản lượng	1.712,84	1.737,17	24,33	101,42	27,17	101,59
5	<b>Cây lạc:</b> - Diện tích gieo trồng	592,05	571,16	-20,89	96,47	-28,84	95,19
	- Diện tích thu hoạch	592,05	545,76	-46,29	92,18	-54,24	90,96
	- Năng suất thu hoạch	22,56	22,53	-0,03	99,85	0,53	102,39
	- Sản lượng	1.335,73	1.229,39	-106,34	92,04	-90,61	93,14
6	<b>Cây vừng:</b> - Diện tích gieo trồng	2.970,51	2.882,02	-88,49	97,02	282,02	110,85
	- Diện tích thu hoạch	2.970,51	2.864,12	-106,39	96,42	264,12	110,16
	- Năng suất thu hoạch	7,39	7,95	0,56	107,58	0,55	107,43
	- Sản lượng	2.196,23	2.277,00	80,77	103,68	353,00	118,35

**Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU – MÙA NĂM 2026**  
(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Các xã/phường	Cây Lúa (ha)						Diện tích lúa cấy bằng máy (ha)	Cây Ngô (ha)	Cây Lạc (ha)	Cây Vừng (ha)	Cây Rau các loại (ha)	Cây đậu đỗ các loại (ha)
		Tổng Diện tích lúa	Trong đó			Cơ cấu giống							
			Vụ Hè thu (ha)	Vụ Mùa (ha)	Trong đó diện tích lúa rẫy (ha)	Diện tích lúa lai (ha)	Diện tích lúa thuần (ha)						
		<b>78.000</b>	<b>56.000</b>	<b>22.000</b>	<b>2.869</b>	<b>7.000</b>	<b>71.000</b>	<b>4.449</b>	<b>11.500</b>	<b>700</b>	<b>2.200</b>	<b>9.645</b>	<b>1.320</b>
1	Xã Anh Sơn	670	670	0	0	0	670	0	90	0	4	40	5
2	Xã Yên Xuân	700	700	0	0	0	700	0	95	0	9	47	4
3	Xã Nhân Hòa	195	195	0	0	0	195	0	100	0	5	75	50
4	Xã Anh Sơn Đông	588	588	0	0	0	588	0	135	0	0	25	0
5	Xã Vĩnh Tường	458	458	0	0	0	458	0	160	0	3	30	5
6	Xã Thành Bình Thọ	200	100	100	0	134	66	0	110	45	45	10	6
7	Xã Con Cuông	350	77	273	0	15	335	0	95	0	0	60	14
8	Xã Môn Sơn	780	100	680	0	120	660	0	265	0	0	50	0
9	Xã Mậu Thạch	510	0	510	0	80	430	0	0	0	0	34	0
10	Xã Cam Phục	240	0	240	0	17	223	0	36	0	0	22	0
11	Xã Châu Khê	200	0	200	0	0	200	0	35	4	5	13	0
12	Xã Bình Chuẩn	140	0	140	0	0	140	0	8	2	0	8	0
13	Xã Diễn Châu	465	465	0	0	0	465	0	40	0	180	114	0
14	Xã Đức Châu	100	100	0	0	0	100	0	80	0	45	145	0
15	Xã Quảng Châu	860	860	0	0	85	775	10	2	0	2	30	1,5
16	Xã Hải Châu	585	585	0	0	560	25	30	150	0	100	280	0
17	Xã Tân Châu	1.200	1.200	0	0	110	1.090	0	45	0	3	87	30
18	Xã An Châu	470	470	0	0	2	468	0	210	0	700	45	10
19	Xã Minh Châu	1.680	1.680	0	0	336	1.344	7	50	0	2	90	5,5

20	Xã Hùng Châu	360	360	0	0	40	320	10	80	0	90	20	5
21	Xã Đô Lương	1.400	1.400	0	0	0	1.400	0	35	40	0	60	15
22	Xã Bạch Ngọc	890	890	0	0	0	890	0	140	0	0	45	8
23	Xã Văn Hiến	1.590	1.590	0	0	0	1.590	0	7	0	0	45	0
24	Xã Bạch Hà	1.805	1.805	0	0	0	1.805	0	250	16	0	30,5	5
25	Xã Thuận Trung	1.645	1.645	0	0	70	1.575	0	85	20	3	128	18
26	Xã Lương Sơn	720	720	0	0	42	678	0	35	10	5	45	3
27	Phường Hoàng Mai	150	0	150	0	0	150	0	100	7	0	175	8
28	Phường Tân Mai	440	440	0	0	200	240	0	20	18	0	110	0
29	Phường Quỳnh Mai	285	285	0	0	5	280	0	94	0	0	435	0
30	Xã Hưng Nguyên	1.200	1.200	0	0	0	1.200	0	0	0	0	120	0
31	Xã Yên Trung	1.125	1.125	0	0	0	1.125	0	0	0	0	125	3
32	Xã Hưng Nguyên Nam	1.120	1.120	0	0	0	1.120	0	25	0	50	125	15
33	Xã Lam Thành	950	950	0	0	0	950	0	12	0	94,5	100	27
34	Xã Mường Xén	320	0	320	299	0	320	0	85	5	0	8	0
35	Xã Hữu Kiệm	660	0	660	504	0	660	0	65	5	0	6	0
36	Xã Nậm Cấn	161	0	161	120	0	161	0	110	21	0	5	0
37	Xã Chiêu Lưu	250	0	250	160	0	250	0	120	1	0	1,5	0
38	Xã Na Loi	325	0	325	215	0	325	0	110	0	0	5	0
39	Xã Mường Típ	375	0	375	284	0	375	0	50	7	0	45	0
40	Xã Na Ngoi	250	0	250	185	0	250	0	60	3	0	25	0
41	Xã Mỹ Lý	290	0	290	265	0	290	0	55	4	0	20	0
42	Xã Bắc Lý	460	0	460	0	0	460	0	50	0	0	55	0
43	Xã Keng Đu	260	0	260	260	0	260	0	248	2	0	72	0
44	Xã Huồi Tụ	190	0	190	198	0	190	0	30	0	0	29	0
45	Xã Mường Lống	130	0	130	0	0	130	0	0	0	0	0	0
46	Xã Vạn An	1.021	1.021	0	0	0	1.021	200	50	8	93	237	80
47	Xã Nam Đàn	700	700	0	0	0	700	0	15	15	37	110	10
48	Xã Đại Huệ	835	835	0	0	0	835	0	30	0	0	278	5

49	Xã Thiên Nhẫn	530	530	0	0	0	530	0	150	13	70	103	266
50	Xã Kim Liên	2.735	2.735	0	0	0	2.735	100	255	35	87	62	56,9
51	Xã Nghĩa Đàn	750	346	404	0	395	355	390	120	0	0	9	3
52	Xã Nghĩa Thọ	460	30	430	0	250	210	12	150	4	0	60	5
53	Xã Nghĩa Lâm	445	0	445	0	0	445	0	145	0	0	140	0
54	Xã Nghĩa Mai	450	96	354	0	450	0	3	100	6	0	65	7
55	Xã Nghĩa Hưng	385	0	385	0	0	385	0	150	5	0	0	0
56	Xã Nghĩa Khánh	600	0	600	0	600	0	0	120	5	0	56	0
57	Xã Nghĩa Lộc	550	0	550	0	250	300	0	90	0		30	15
58	Xã Nghi Lộc	1.250	1.136	114	0	0	1.250	0	55	16	3	35,5	1
59	Xã Phúc Lộc	1.400	1.400	0	0	0	1.400	0	0	0	3	0	5
60	Xã Đông Lộc	250	0	250	0	0	250	0	30	0	85	45	0
61	Xã Trung Lộc	440	330	110	0	0	440	0	33	0	28	200	1
62	Xã Thần Lĩnh	956	956	0	0	0	956	0	0	0	0	1,5	0
63	Xã Hải Lộc	650	340	310	0	0	650	0	30	0	9	40	5
64	Xã Văn Kiều	1.100	1.100	0	0	0	1.100	0	35	0	25	5	3
65	Xã Quế Phong	710	0	710	0	230	480	0	14	4	0	34	3,8
66	Xã Tiên Phong	435	0	435	0	130	305	0	15	8	0	47	0
67	Xã Tri Lễ	420	0	420	0	140	280	0	27	9	0	35	9
68	Xã Mường Quàng	720	0	720	0	180	540	0	12	18	0	0	32
69	Xã Thông Thụ	225	0	225	0	35	190	0	8	3	0	9	0
70	Xã Quỳnh Châu	395	0	395	0	0	395	0	55	0	0	55	0
71	Xã Châu Tiến	690	690	0	0	0	690	0	60	3	0	80	0
72	Xã Hùng Chân	420	0	420	0	0	420	0	42	6	0	48	0
73	Xã Châu Bình	269	0	269	0	0	269	0	60	0	0	32	0
74	Xã Quỳnh Hợp	625	385	240	0	255	370	0	115	25	0	135	11
75	Xã Tam Hợp	440	440	0	0	355	85	0	160	85	0	75	0
76	Xã Châu Lộc	170	170	0	0	68	102	0	20	3	0	15	0
77	Xã Châu Hồng	285	70	215	0	0	285	0	0	0	0	27	0

78	Xã Mường Ham	495	0	495	0	247	248	0	30	0	0	34	0
79	Xã Mường Chông	345	0	345	0	212	133	0	30	0	0	30	0
80	Xã Minh Hợp	113	94	19	0	68	45	0	250	0	0	60	30
81	Xã Quỳnh Lưu	1.150	1.150	0	0	115	1.035	0	35	12	0	86	3
82	Xã Quỳnh Văn	285	285	0	0	40	245	50	110	0	1	85	5
83	Xã Quỳnh Anh	650	650	0	0	80	570	0	95	0	7	1.048	5
84	Xã Quỳnh Tam	940	670	270	0	43	897	5	100	20	0	170	5
85	Xã Quỳnh Phú	135	135	0	0	0	135	0	235	9	113	186	8
86	Xã Quỳnh Sơn	650	650	0	0	45	605	0	85	0	2	150	3
87	Xã Quỳnh Thắng	250	0	250	0	120	130	0	85	10	7	95	8
88	Xã Tân Kỳ	490	0	490	0	62	428	0	490	21	0	61	0
89	Xã Tân Phú	760	0	760	0	62	698	0	610	20	0	150	0
90	Xã Tân An	725	0	725	0	0	725	0	370	0	41	95	0
91	Xã Nghĩa Đồng	640	0	640	0	40	600	25	215	0	0	60	0
92	Xã Giai Xuân	270	0	270	0	60	210	0	295	15	0	80	2
93	Xã Nghĩa Hành	600	0	600	0	60	540	45	200	0,5	59	46	14
94	Xã Tiên Đông	910	0	910	0	230	680	0	195	0,5	0,5	47	10
95	Phường Thái Hòa	120	0	120	0	12	108	0	80	0	0	20	10
96	Phường Tây Hiếu	95	0	95	0	10	85	0	60	0	0	20	40
97	Xã Đông Hiếu	520	0	520	0	100	420	0	130	0	0	40	10
98	Xã Cát Ngạn	370	370	0	0	0	370	200	50	6	0	15	40
99	Xã Tam Đồng	430	430	0	0	0	430	200	70	10	0	61	50
100	Xã Hạnh Lâm	100	100	0	0	95	5	0	25	0	0	0	10
101	Xã Sơn Lâm	168	168	0	0	0	168	0	15	0	0	15	0
102	Xã Hoa Quân	540	540	0	0	0	540	0	80	10	35	55	30
103	Xã Kim Bảng	486	486	0	0	0	486	0	125	7,5	18	20	4,5
104	Xã Bích Hào	500	500	0	0	0	500	0	0	0	0	0	0
105	Xã Đại Đồng	1.600	1.600	0	0	0	1.600	0	60	10	3	80	45
106	Xã Xuân Lâm	905	905	0	0	0	905	10	125	0	19	74	47

107	Xã Tam Quang	175	34	141	11	0	175	0	130	18	0	123	0
108	Xã Tam Thái	105	0	105	0	0	105	2	40	0	0	35	0
109	Xã Tương Dương	100	50	50	30	0	100	0	170	0	0	118	0
110	Xã Lượng Minh	30	0	30	25	0	30	0	35	0	0	0	0
111	Xã Yên Na	75	0	75	3	0	75	0	85	0	0	45	0
112	Xã Yên Hòa	40	0	40	6	0	40	0	70	4,5	0	45	0
113	Xã Nga My	350	0	350	12	0	350	0	50	6	0	45	0
114	Xã Hữu Khuông	170	0	170	41	0	170	0	85	0	0	55	0
115	Xã Nhân Mai	250	0	250	251	0	250	0	65	2	0	45	0
116	Phường Trường Vinh	185	185	0	0	0	185	0	0	0	0	0	0
117	Phường Thành Vinh	85	85	0	0	0	85	0	0	1	0	12	0
118	Phường Vinh Hưng	390	210	180	0	0	390	5	62	0	1	60	0
119	Phường Vinh Phú	60	0	60	0	10	50	0	30	0	20	60	0
120	Phường Vinh Lộc	160	100	60	0	0	160	50	20	0	22	20	0
121	Phường Cửa Lò	15	0	15	0	0	15	0	0	0	0	0	0
122	Xã Yên Thành	1.430	1.430	0	0	0	1.430	250	0	0	0	10	0
123	Xã Quan Thành	1.140	1.140	0	0	0	1.140	650	50	7	2,5	176	30
124	Xã Hợp Minh	1.925	1.925	0	0	0	1.925	500	60	2	10	124	17,5
125	Xã Vân Tụ	1.800	1.800	0	0	0	1.800	620	40	0	0	121	13,5
126	Xã Vân Du	970	970	0	0	0	970	100	240	15	32,5	108	32,8
127	Xã Quang Đông	750	750	0	0	0	750	50	190	7	14	176	30
128	Xã Giai Lạc	1.000	1.000	0	0	0	1.000	45	45	0	7	135	40
129	Xã Bình Minh	1.500	1.500	0	0	35	1.465	500	65	5	0	140	20
130	Xã Đông Thành	1.000	1.000	0	0	100	900	380	0	0	0	0	0

**Phụ lục 03: Danh sách các giống lúa đưa vào cơ cấu giống sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa 2026 tại Nghệ An**  
(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>LÚA THUẦN</b>			
<b>I</b>	<b>Giống có diện tích lớn và có tiềm năng</b>			
<b>1.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	TBR 97	95-100	50-55	
2	Khang dân đột biến	95-100	50-55	
3	LTH 31 (SL9)	97-103	55-58	
<b>1.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày</b>			
1	VNR 20	100-105	55-58	
2	Bắc Thịnh	100-105	50-55	
3	Vật tư NA2	100-105	50-55	
4	TBR 225	105-108	55-60	
5	Thiên ưu 8	103-108	55-60	
<b>1.3</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày</b>			
1	Nếp 97	110-115	50-55	Lúa nếp
2	BC15	110-115	55-60	
3	Nếp 87	110-115	50-55	Lúa nếp
<b>II</b>	<b>Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau</b>			
<b>2.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	ĐH 15	95-100	55-60	
2	Hương Thanh 10	90-95	50-55	
3	SV 181	90-95	50-55	
<b>2.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày</b>			
1	Khang dân 18	100-105	50-55	
2	Hà Phát 3	105-110	55-60	
3	TBR87	100-105	55-60	
4	Hương Thanh 8	100-105	50-55	
5	Hương cốm 4	100-105	50-55	
6	Hương Bình	100-105	50-55	
7	ĐT 100	100-105	50-55	
8	DT 82	100-105	50-55	
9	ADI 168	100-105	50-55	
10	HANA 167	100-105	50-55	
11	HANA số 6	100-105	50-55	
12	BQ	100-105	50-55	
13	QP5	100-105	50-55	
14	Hạt ngọc 9	100-105	50-55	

15	DH 12	100-105	50-55	
16	AYT 77	100-105	50-55	
17	ĐB 18	100-105	50-55	
18	HD11	100-105	50-55	
19	HANA số 7	100-105	50-55	
20	Smart 56	100-105	50-55	
21	Hung Long 555	100-105	55-60	
22	LP5	100-105	50-55	
23	HDT 10	100-105	50-55	
24	ND 502	100-105	50-55	
25	Vật tư NA6	104-108	55-60	
26	TBR89	105-110	55-60	
27	Bắc thơm 7	105-110	45-50	
28	Dự hương 8	105-110	55-60	
29	Nếp 98	105-110	50-52	Lúa nếp
30	Nếp thơm 86	105-110	50-52	Lúa nếp
31	Nếp A Sào	105-110	50-52	Lúa nếp
<b>2.3</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày</b>			
1	Nếp ĐT 52	110-115	50-55	Lúa nếp
2	JO2	110-115	50-55	
<b>B</b>	<b>LÚA LAI</b>			
<b>I</b>	<b>Giống có diện tích lớn và có tiềm năng</b>			
<b>1.1</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày</b>			
1	Việt Lai 20	95-100	50-55	
<b>1.2</b>	<b>Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày</b>			
1	Thái Xuyên 111	107-110	60-65	
2	Long Hương 8117	105-110	55-60	
3	Thụy Hương 308	105-110	55-60	
<b>II</b>	<b>Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau</b>			
1	Nghi Hương 2308	105-110	55-60	
2	Nhị ưu 986	105-110	58-60	
3	Nghi Hương 305	105-110	55-60	
4	Long Xuyên 81	105-110	55-60	
5	HD 879	105-110	55-60	
6	ADI73	105-110	55-60	
7	Dương ưu 612	105-110	55-60	
8	Syn 12	105-110	55-60	
9	HYT 100	105-110	55-60	
10	MHC 2	105-110	55-60	
11	VT333	105-110	55-60	
12	Syn 18	100-110	55-60	
13	ADI số 9	100-110	55-60	
14	Lai thơm 6	100-105	50-60	
15	TH3-4	100-105	50-60	

**Phụ lục 04: Danh sách các giống ngô được đưa vào cơ cấu giống sản xuất  
trong vụ Hè Thu – Mùa 2026 tại Nghệ An**

*(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và  
Môi trường Nghệ An)*

<b>TT</b>	<b>Tên giống</b>	<b>Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)</b>	<b>Năng suất trung bình (tạ/ha)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Giống có diện tích lớn và có tiềm năng</b>			
1	DK6919 S	100-103	52-57	Ngô biến đổi gen
2	CP511	105-110	50-55	
3	NK6275	105-110	55-60	
4	NK6101Bt/GT	105-110	55-60	Ngô biến đổi gen
5	CP511S	105-110	55-60	Ngô biến đổi gen
6	HN68	62-65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	TBM 18	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
<b>II</b>	<b>Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau</b>			
<b>2.1</b>	<b>Ngô lấy hạt</b>			
1	CP519	105-110	55-60	
2	CP512	105-110	55-60	
3	PAC 139	105-110	50-55	
4	PAC 339	105-110	50-55	
5	PAC 789	105-110	50-55	
6	VS36	105-110	50-55	
7	CS71	95-100	50-55	
8	TM181	95-100	50-55	
9	LVN14	95-100	50-55	Có sinh khối lớn
10	SSC557	95-100	50-55	
<b>2.2</b>	<b>Ngô chuyển gen</b>			
1	NK7328 Bt/GT	110-115	50-55	Có sinh khối lớn
2	PAC 999 Super S	110-115	50-55	
3	NK4300Bt/GT	105-110	50-55	
4	CP 501 S	105-110	55-60	
5	CP 111 S	105-110	55-60	
6	8282 S	100-105	55-60	
7	DK6818 S	100-105	55-60	
8	NK66 Bt/Gt	100-105	50-55	
<b>2.3</b>	<b>Ngô sinh khối</b>			
1	PSC 102	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
2	PSC 747	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
<b>2.4</b>	<b>Ngô thu hoạch ăn tươi</b>			
1	HN88	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi

2	HN92	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	ADI 668	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	ADI 688	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi

**Phụ lục 05: Danh sách các giống lạc đưa vào cơ cấu giống sản xuất trong vụ  
Hè Thu – Mùa 2026 tại Nghệ An**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và  
Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Ghi chú
1	L14	95-110	
2	L23	100-105	
3	L26	95-100	
4	L27	95-100	
5	Sen lai 75/23	105-110	
6	TK10	100-110	
7	L20	100-105	

**Phụ lục 06: Danh sách các giống vừng, đậu đỗ, rau dĩa sản xuất trong vụ Hè  
Thu – Mùa 2026 tại Nghệ An**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNNMT ngày /04/2026 của Sở Nông nghiệp và  
Môi trường Nghệ An)

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu - Mùa (ngày)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Giống vừng</b>		
-	Vùng V6	75 - 85	
-	Vùng đen địa phương	65 - 75	
-	Vùng vàng địa phương	65 - 75	
<b>II</b>	<b>Giống đậu xanh</b>		
-	V 135	60 - 65	
-	ĐX 208	60 - 65	
-	ĐX 11	65 - 70	
-	ĐX 21	72 - 75	
<b>III</b>	<b>Giống đậu đen</b>		
-	Giống đậu đen xanh lòng	85 - 90	
-	Giống đậu đen trắng lòng	85 - 90	
<b>IV</b>	<b>Giống đậu đỏ</b>		

	Giống đậu đỏ địa phương	55 - 60	
<b>V</b>	<b>Giống rau</b>		
<b>5.1</b>	<b>Bí xanh</b>		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Nova 209	70 - 75	
-	Bí xanh Green 558	80 - 85	
-	Bí xanh Ruby 456	70 - 75	
-	An Điền 686	80 - 85	
<b>5.2</b>	<b>Mướp ngọt</b>		
-	Hương Việt	40 - 45	
-	Thanh Hoa	40 - 45	
<b>5.3</b>	<b>Mướp đắng</b>		
-	F1 Palee	65 - 70	
-	TV-208	45 - 47	
<b>5.4</b>	<b>Dưa hấu</b>		
-	Super Hoàn Châu	55 - 60	
-	Super Man	55 - 60	
-	Phù Đổng	55 - 60	
-	Trang Nông 1096	53 - 58	
-	AD 779	53 - 58	
-	VT 448	55 - 60	
<b>5.5</b>	<b>Rau mồng tơi</b>	30 - 40	
<b>5.6</b>	<b>Rau muống hạt</b>	28 - 35	
<b>5.7</b>	<b>Rau dền</b>	25 - 30	

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**